

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Ngành đào tạo: Đại học Quản trị kinh doanh

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 762/QĐ-ĐHTB, ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Thái Bình)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần bằng tiếng Việt: **TIẾNG NHẬT CƠ BẢN 2**
- Tên học phần bằng tiếng Anh: Japanese 2
- Mã học phần: 0101001898 Số tín chỉ: (4,0,8)
- Áp dụng cho ngành/chuyên ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
 - + Trình độ đào tạo: Đại học, sinh viên năm thứ 1
 - + Hình thức đào tạo: Chính quy
- Yêu cầu của học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước: Tiếng Nhật cơ bản 1
- Các học phần song hành: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 30 giờ
 - + Làm bài tập, ôn tập trên lớp: 26 giờ
 - + Thảo luận: Không
 - + Thực hành, thực tập: Không
 - + Hoạt động theo nhóm: Không
 - + Kiểm tra trên lớp : 4 giờ
 - + Tự học: 60x2=120giờ
- Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Khoa Kinh tế - QTKD/Bộ môn Khoa học xã hội

2. Mô tả học phần

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ Kanji thường dùng.
- Ngữ pháp: Cách biến đổi danh từ, tính từ hiện tại và quá khứ, cấu trúc so sánh của tính từ, cách sử dụng trợ từ, lượng từ chỉ vị trí, cách sử dụng động từ di chuyển, phương hướng, tặng, nhận, cho vay, động từ i ru, a ru.
- Từ vựng: Chủ đề về mua sắm, gia đình, ẩm thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, lễ hội, địa danh
- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về sở thích, giải thích lý do, mô tả sự sở hữu, tồn tại của người hoặc vật, so sánh, đếm đồ vật và các hoạt động thường ngày của bản thân và đối tượng giao tiếp.

3. Mục tiêu của học phần

Mã số	Mô tả mục tiêu học phần	CDR của CTĐT PLOs	Mức độ
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	<p>Trình bày kiến thức cơ bản về các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc, viết chữ Kanji thường dùng - Các hiện tượng ngữ pháp cơ bản: cấu trúc câu miêu tả, so sánh tính từ đuôi i, na, trợ từ, lượng từ chỉ vị trí, cách sử dụng động từ di chuyển, phương hướng, tặng, nhận, cho vay, động từ i ru, a ru, cách nói biểu thị lý do. - Từ vựng, cấu trúc giao tiếp về chủ đề mua sắm, gia đình, ẩm thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, lễ hội, địa danh, hỏi đường 	PLO1.1.2	3/5
G2	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về chủ đề mua sắm, gia đình, ẩm thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, lễ hội, địa danh, hỏi đường. - Đọc, viết chữ Kanji thường dùng. 	PLO2.3.1	3/5
G3	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	PLO3.1 PLO3.2	3/5

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu học phần (Gs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
Kiến thức				
G1	CLO1.1	Đọc và viết thành thạo khoảng 120 chữ Kanji	PLO1.1.2	3/5
	CLO1.2	Trình bày được từ vựng cấu trúc diễn đạt các hoạt động giao tiếp đơn giản về các chủ đề mua sắm, gia đình, ẩm thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, lễ hội, địa danh, hỏi đường	PLO1.1.2	3/5
	CLO1.3	Ghi nhớ cách sử dụng số từ chỉ thời gian, ngày tháng, cách sử dụng trợ số từ khi nói về số lượng.	PLO1.1.2	3/5
	CLO1.4	Chuyển đổi được các động từ di chuyển, phương hướng, tặng, nhận, cho	PLO1.1.2	3/5

		vay, động từ i ru, a ru.		
	CLO1.5	Nêu được cấu trúc câu miêu tả, so sánh được các đặc điểm của sự vật, hiện tượng ở thì hiện tại, quá khứ của tính từ.	PLO1.1.2	3/5
Kỹ năng				
G2	CLO2.1	Đọc và viết thành thạo khoảng 120 chữ Kanji	PLO2.3.1	3/5
	CLO2.2	Hội thoại được về chủ đề mua sắm, gia đình, ẩm thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, lễ hội, địa danh, hỏi đường	PLO2.3.1	3/5
	CLO2.3	Viết được câu sử dụng số từ chỉ thời gian, ngày tháng, cách sử dụng trợ số từ khi nói về số lượng.	PLO2.3.1	3/5
	CLO2.4	Nêu được nguyên nhân, lý do của sự việc, các câu mời lịch sự	PLO2.3.1	3/5
	CLO2.5	Miêu tả, so sánh được các đặc điểm của sự vật, hiện tượng ở thì hiện tại, quá khứ của tính từ	PLO2.3.1	3/5
Mức tự chủ và trách nhiệm				
G3	CLO3.1	Có thái độ tích cực, hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	PLO3.1	3/5
	CLO3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong phần giảng viên yêu cầu.	PLO3.1	3/5
	CLO3.3	Phân công nhiệm vụ trong nhóm hiệu quả	PLO3.2	3/5
	CLO3.4	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.	PLO3.2	3/5

5. Tài liệu phục vụ học phần

Giáo trình chính :	[1] 3A Network (2019), Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản tiếng Nhật, Nhà xuất bản trẻ. [2] 3A Network (2019), Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản dịch và giải thích ngữ pháp - tiếng Việt, Nhà xuất bản trẻ.
Tài liệu tham khảo:	[3] 3A Network (2019), Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Tổng hợp các bài tập theo chủ điểm, Nhà xuất bản trẻ
Địa chỉ Web hữu ích cho HP:	[4] Luyện hội thoại tiếng Nhật, https://www.marugoto.org/ (8/2019) [5] Luyện Kanji, https://genki.japantimes.co.jp/self (8/2019)

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được CLOs	Phương pháp, hình thức học của người học
Thuyết trình, giảng giải	<p>Giảng viên trình chiếu, giải thích và phân tích các nội dung kiến thức theo từng bài học. Sinh viên lắng nghe, quan sát và ghi chép nội dung bài học và nêu các câu hỏi cần thiết.</p> <p>-Giảng viên giải thích các nội dung của bài học, cho các ví dụ thực tế, giải đáp những thắc mắc của sinh viên giúp sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra về kiến thức</p>	CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 1.4 CLO 1.5 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO2.4 CLO2.5 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4	Bài bản (lắng nghe, tiếp nhận thông tin)
Đàm thoại, vấn đáp	<p>Giảng viên nêu các câu hỏi hướng dẫn, gợi ý, yêu cầu sinh viên trình bày cách làm, kết quả. Giảng viên nhận xét, kết luận giúp sinh viên chuẩn hóa các kiến thức kỹ năng theo nội dung của từng bài học</p>	CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 1.4 CLO 1.5 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO2.4 CLO2.5 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4	Tương tác
Hướng dẫn làm bài tập, làm mẫu	<p>- Giảng viên xây dựng hệ thống bài tập phù hợp với từng bài, giảng viên thực hiện làm mẫu một số bài tập mẫu câu, hội thoại giúp SV hiểu rõ và vận dụng các nội dung của học phần vào thực tiễn.</p> <p>- Sinh viên ghi chép và bài tập trước khi lên lớp theo hướng dẫn của giảng viên.</p>	CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 1.4 CLO 1.5 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO2.4 CLO2.5	Bài bản (lắng nghe, tiếp nhận thông tin) Tương tác - Ôn luyện, tìm kiếm, học nhóm - Giải quyết vấn

		CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4	đề, - Sáng tạo
Hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu và làm bài tập	- Giảng viên giao nhiệm vụ về nhà gồm hệ thống bài tập, các mẫu hội thoại nhằm củng cố kiến thức, kỹ năng học, đồng thời hướng dẫn sinh viên sử dụng các phần mềm tra cứu tài liệu để tự luyện tập nâng cao các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Nhật Giúp người học phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu để có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu độc lập, từ đó đó giúp người học trở nên độc lập và tự tin hơn trong việc giải quyết vấn đề, phát triển kỹ năng quản lý thời gian và lập kế hoạch, nâng cao khả năng tìm kiếm và sử dụng thông tin, và tăng cường sự đam mê và tự tin trong học tập. Ngoài ra, việc hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu còn giúp người học phát triển khả năng học tập suốt đời và thích nghi với những thay đổi trong công việc và cuộc sống.	CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 1.4 CLO 1.5 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO2.4 CLO2.5 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4	Chủ động tìm hiểu và khám phá kiến thức một cách tự nhiên, độc lập và sáng tạo. Sử dụng hiệu quả kiến thức tìm được.
Kiểm tra	Đánh giá ý thức, thái độ, khả năng tiếp nhận và vận dụng kiến thức đã học vào thực tế, đáp ứng được yêu cầu của môn học.	CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 1.4 CLO 1.5 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO2.4 CLO2.5 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4	Ôn luyện kiến thức, kỹ năng, thông tin và cách làm bài kiểm tra.

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần (CLOs)
(1)	(2)	(3)
Tuần 1 (4 tiết)	第 5 課: この電車は甲子園へ いきますか? (Tàu này có đi Koshien không ạ)	CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 1.3

	Lý thuyết	<p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày cách sử dụng động từ chỉ sự di chuyển, sử dụng động từ chỉ phương hướng cho động từ di chuyển. - Cách sử dụng các trợ từ で, と và cách sử dụng い つ. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 新しいことば - 文法 1. N(場所)へ 行きます/来ます/帰ります 2. どこ[へ]も 行きません/行きませんでした 3. N(乗り物)で 行きます/来ます/帰ります 4. N(人/動物)と V いつ 5. よ 6. そうですね (同意、同感を表す) 	<p>CLO 1.4 CLO 1.5 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO2.4 CLO2.5 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4</p>
	Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập phần Renshu A,B - Vận dụng các mẫu câu đã học vào các tình huống hội thoại theo yêu cầu của giáo viên. 	
	Tự học	Sinh viên chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên.	
Tuần 2 (4 tiết)	Lý thuyết	<ul style="list-style-type: none"> - 練習：第5課: + 文型 (ぶんけい) + 会話 (かいわ) + 漢字 (かんじ) - 第6課：うっしょに いきませんか? (Anh có đi cùng với tôi không) <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày từ vựng về thực phẩm, thể thao, địa điểm để giới thiệu về các chủ đề ẩm thực, du lịch - Hiểu mẫu câu có sử dụng trợ từ を、で và động từ します - Luyện nghe, nói, đọc, viết sử dụng mẫu câu mời, đề nghị ai đó làm việc. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 新しいことば - 文法 1. N を V(他動詞) 2. N を します 3. 何を しますか 4. 「なん」と 「なに 	<p>CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 1.4 CLO 1.5 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO2.4 CLO2.5 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4</p>
	Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập phần Mondai bài 5, Renshu AB bài 6 - Vận dụng các mẫu câu đã học vào các tình huống 	

		hội thoại theo yêu cầu của giáo viên.	
	Tự học	Sinh viên chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên.	
Tuần 3 (4 tiết)	Lý thuyết	<p>- 第 6 課: うっしょに いきませんか? (Anh có đi cùng với tôi không)</p> <p>5. N(場所)で V 6. V ませんか 7. V ましょう 8. ~か + 文型 (ぶんけい) + 会話 (かいわ) + 漢字 (かんじ)</p> <p>- 第 7 課: いらっしゃい (Xin mời vào)</p> <p>Mục tiêu bài: - Hiểu và phân biệt được các mẫu câu cho tặng, nhận, cho vay. - luyện nghe, nói đọc viết về cách dùng công cụ phương tiện nào đó.</p> <p>Nội dung cụ thể: •新しいことば •文法</p> <p>1. N(道具/手段)で V</p>	<p>CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 1.4 CLO 1.5 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO2.4 CLO2.5 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4</p>
	Bài tập	<p>- Làm bài tập phần Mondai 6, Renshu AB bài 7 - Vận dụng các mẫu câu đã học vào các tình huống hội thoại theo yêu cầu của giáo viên.</p>	
	Tự học	Sinh viên chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên.	
Tuần 4 (4 tiết)	Lý thuyết	<p>第 7 課: いらっしゃい (Xin mời vào)</p> <p>2. 「語/文は」 ~語で 何ですか 3. N(1 人)に N2 をあげます、 4. 等 N(1 人)に N2 をもらいます、 5. 等 もう V ました 6. 助詞の省略 文型 (ぶんけい) 会話 (かいわ) 漢字 (かんじ)</p>	<p>CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 1.4 CLO 1.5 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO2.4 CLO2.5 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4</p>
	Bài tập	<p>- Làm bài tập phần Renshu C, mondai bài 7 - Vận dụng các mẫu câu đã học vào các tình huống hội thoại theo yêu cầu của giáo viên.</p>	
	Tự học	Sinh viên chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên.	
Tuần 5	Kiểm tra	Bài kiểm tra số 1	CLO 1.1

(4 tiết)	(1tiết)		CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 1.4 CLO 1.5 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO2.4 CLO2.5 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4
	Lý thuyết	<p>第 8 課 : そろそろ しつれいします (Đã đến lúc tôi phải về)</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày cách sử dụng câu hỏi nào, thế nào - Hiểu và phân biệt cách sử dụng tính từ な, い - Luyện nghe, nói, đọc viết về chủ đề thời tiết. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 新しいことば - 文法 <ol style="list-style-type: none"> 1. 形容詞 2. N は な - adj [~な] です N は い - adj [~い] です 	
	Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập phần Renshu A,B bài 8 - Vận dụng các mẫu câu đã học vào các tình huống hội thoại theo yêu cầu của giáo viên. 	
	Tự học	Sinh viên chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên.	
Tuần 6	Lý thuyết	<p>第 8 課: そろそろ しつれいします (Đã đến lúc tôi phải về)</p> <ol style="list-style-type: none"> 3. な -adj な N. い -adj (~い) N 4 が、 ~ 5. とても/あまり 6. N は どうですか 7. N1 は どんな N2 ですか 8. そうですね (思案中であることを表す 	CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 1.4 CLO 1.5 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO2.4 CLO2.5 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4
	Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập phần Renshu C, Mondai bài 8 - Vận dụng các mẫu câu đã học vào các tình huống hội thoại theo yêu cầu của giáo viên. 	
	Tự học	Sinh viên chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên.	
Tuần 7 (4 tiết)	Lý thuyết	<p>第 9 課: 残念 ですが。 (Thật đáng tiếc)</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày từ vựng chỉ cảm xúc, mức độ, các trạng từ chỉ mức độ, số lượng, các danh từ chủ đề giải trí, sở thích: Âm nhạc, thể thao, điện ảnh - Hiểu mẫu câu biểu thị sở thích, mong muốn, yêu, ghét. - Luyện nghe, nói, đọc, viết về cách đưa lời mời, cách từ chối, đưa lí do, biểu thị cảm xúc. 	CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 1.4 CLO 1.5 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO2.4 CLO2.5 CLO3.1

		<p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 新しいことば - 文法 <p>1. N があります/わかります N が 好きです/嫌いです/上手です/下手です</p> <p>2. どんな N</p> <p>3. よく/だいたい/たくさん/ 少し/あまり/全然</p> <p>4. ~から、</p> <p>5. ~ (理由を表す) どうして</p>	<p>CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4</p>
	Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập phần Renshu A,B, - Vận dụng các mẫu câu đã học vào các tình huống hội thoại theo yêu cầu của giáo viên. 	
	Tự học	Sinh viên chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên.	
Tuần 8 (4 tiết)	Lý thuyết	<p>第 9 課: 残念 ですが。 (Thật đáng tiếc)</p> <ul style="list-style-type: none"> - 文型 (ぶんけい) - 会話 (かいわ) - 漢字 (かんじ) 	<p>CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 1.4 CLO 1.5 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO2.4 CLO2.5 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4</p>
	Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập phần Renshu C, Mondai bài 8 - Vận dụng các mẫu câu đã học vào các tình huống hội thoại theo yêu cầu của giáo viên. 	
	Kiểm tra (1 tiết)	<p>Bài kiểm tra số 2</p>	
Tuần 9 (4 tiết)	Lý thuyết	<p>第 10 課: ナンプラーありますか (Có nampla không ạ?)</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các giới từ chỉ vị trí; - Hiểu và phân biệt được sự khác nhau mẫu câu biểu thị vị trí, sự tồn tại của người và sự vật dùng với động từ -iru và -aru. - Luyện nghe, nói, đọc, viết về sự tồn tại của sự vật, hiện tượng tại một địa điểm. <p>Nội dung cụ thể</p> <ul style="list-style-type: none"> - 新しいことば - 文法 	<p>CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 1.4 CLO 1.5 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO2.4 CLO2.5 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4</p>

		1. N があります/います 2. 場所に N があります/います 3. N は 場所に あります/ 4. います N(1 物/人/場所)の 5. N(2 位置) N1 や N2 6. アジアストアですか	
	Bài tập	- Làm bài tập phần Renshu A,B - Vận dụng các mẫu câu đã học vào các tình huống hội thoại theo yêu cầu của giáo viên.	
	Tự học	Sinh viên chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên.	
Tuần 10 (4 tiết)	Lý thuyết	第 10 課: ナンプラーありますか (Có nampla không ạ?) - 文型 (ぶんけい) - 会話 (かいわ) - 漢字 (かんじ) 第 11 課: これ、お願いします (Cái này, cho tôi gửi bằng đường biển) Mục tiêu bài: - Trình bày lượng từ, danh từ chỉ đồ ăn, thực đơn; - Hiểu cách chia động từ -iru, - aru cùng các lượng từ biểu thị sự sở hữu. - Luyện nghe, nói, đọc, viết về chủ đề gửi đồ tại bưu điện, mô tả sự sở hữu sử dụng động từ -iru, - aru với danh từ chỉ người và danh từ chỉ sự vật. Nội dung cụ thể: - 新しいことば - 文法 1. 量の言い方 2. 数量詞の使い方	CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 1.4 CLO 1.5 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO2.4 CLO2.5 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4
	Bài tập	- Vận dụng các mẫu câu bài 10 vào các tình huống hội thoại theo yêu cầu của giáo viên., Mondai bài 10 - Làm bài tập phần Renshu A,B bài 11	
	Tự học	Sinh viên chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên.	
Tuần 11 (4 tiết)	Lý thuyết	第 11 課: これ、お願いします (Cái này, cho tôi gửi bằng đường biển) 3. 数量詞(期間)に - 回 V 4. 数量詞だけ/N だけ - 文型 (ぶんけい) - 会話 (かいわ)	CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 1.4 CLO 1.5 CLO2.1

		- 漢字 (かんじ)	CLO2.2 CLO2.3
	Bài tập	- Làm bài tập phần Mondai bài 11 - Vận dụng các mẫu câu đã học vào các tình huống hội thoại theo yêu cầu của giáo viên.	CLO2.4 CLO2.5 CLO3.1
	Tự học	Sinh viên chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên.	CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4
Tuần 12 (4 tiết)	Kiểm tra (1 tiết)	Bài kiểm tra số 3	
	Lý thuyết	第 12 課: 祇園祭はどうですか (Lễ hội Gion như thế nào?) Mục tiêu bài: - Trình bày tính từ đuôi -i và tính từ đuôi -na, danh từ, tính từ chỉ thời tiết; - Hiểu cách chia tính từ ở thì quá khứ, hiện tại và tương lai, cách nói hơn nhất dùng với tính từ; - Luyện nghe, nói, đọc, viết về lễ hội Gi-ôn sử dụng cấu trúc tính từ đã học và các mẫu câu mô tả tính chất, trạng thái, cảm xúc. - Nội dung cụ thể: •新しいことば •文法 1. 名詞文・な形容詞文の時制 肯定・否定 2. い形容詞文の時制 肯定・否定	CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 1.4 CLO 1.5 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO2.4 CLO2.5 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4
	Bài tập	- Làm bài tập phần Renshu A,B bài 12 - Vận dụng các mẫu câu đã học vào các tình huống hội thoại theo yêu cầu của giáo viên.	
	Tự học	Sinh viên chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên.	
Tuần 13 (4 tiết)	Lý thuyết	第 12 課: 祇園祭はどうですか (Lễ hội Gion như thế nào?) 3. N1 は N2 より 形容詞です N1 と N2 と どちらが 4. 形容詞ですかN1/N2 のほうが 形容詞です 5. N[1 の 中]で 何/どこ/だれ/いつが いちばん 形容詞ですかN2 が いちばん 形容詞です 6. 形容詞の(名詞の代わりをする「の」) - 文型 (ぶんけい) - 会話 (かいわ) - 漢字 (かんじ)	CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 1.4 CLO 1.5 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO2.4 CLO2.5 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3

	Bài tập	- Làm bài tập phần Renshu C, Mondai bài 12 - Vận dụng các mẫu câu đã học vào các tình huống hội thoại theo yêu cầu của giáo viên.	CLO3.4
	Tự học	Sinh viên chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên.	
Tuần 14 (4 tiết)	Lý thuyết	第 13 課: べつべつにお願いします (Nhờ chị tính riêng ra cho ạ) Mục tiêu bài - Trình bày nguyện vọng mong muốn của bản thân - Hiểu cách sử dụng thể masu / danh từ đi kết hợp với các động từ di chuyển - Luyện nghe, nói, đọc, viết về chủ đề mua sắm, ẩm thực và cuộc sống. - Nội dung cụ thể: - 新しいことば - 文法 1. N が 欲しいです 2. V ます形たいです 3. N (場所)へ V ます 4. 形/N に 行きます/来ます/帰ります 5. どこか/何か 6. ご~ (敬意を表す)	CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 1.4 CLO 1.5 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO2.4 CLO2.5 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4
	Bài tập	- Làm bài tập phần Renshu A,B - Vận dụng các mẫu câu đã học vào các tình huống hội thoại theo yêu cầu của giáo viên.	
	Tự học	Sinh viên chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên.	
Tuần 15 (4 tiết)	Lý thuyết	第 13 課: べつべつにお願いします (Nhờ chị tính riêng ra cho ạ) - 文型 (ぶんけい) - 会話 (かいわ) - 漢字 (かんじ)	CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 1.4 CLO 1.5 CLO2.1
	Bài tập	- Làm bài tập phần Renshu C, Mondai bài 13 - Vận dụng các mẫu câu đã học vào các tình huống hội thoại theo yêu cầu của giáo viên.	CLO2.2 CLO2.3 CLO2.4
	Kiểm tra (1 tiết)	Bài kiểm tra số 4	CLO2.5 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

TT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	Chuẩn đầu ra Học phần (CLOs)	Trọng số
1	Chuyên cần	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học	Hàng tuần	CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4	10%
2	Quá trình	- Sinh viên là 4 bài kiểm tra cá nhân 1 tiết /bài - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (theo đáp án, thang điểm của giảng viên)	Tuần 5, Tuần 8, Tuần 12, Tuần 15.	CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 1.4 CLO 1.5 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO2.4 CLO2.5 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4	40%
3	Cuối kỳ	Kết thúc học phần: hình thức thi: Viết (thi tự luận + trắc nghiệm) Tiêu chí đánh giá bài thi: theo thang điểm đã được phê chuẩn.	Theo lịch thi của nhà trường	CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 1.4 CLO 1.5 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO2.4 CLO2.5 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4	50%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Hoàng Thị Thu**

- Chức danh, học hàm, học vị: **Cử nhân**

- Email: **Nekotb80@gmail.com**

Điện thoại liên hệ:

0917916368

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Hoàng Thị Thu Trang**
- Chức danh, học hàm, học vị: **Cử nhân**
- Email: **tranghoangvn.90@gmail.com** Điện thoại liên hệ: **0983174990**

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định, chuẩn bị, đọc bài trước khi lên lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực học tập
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Thái Bình, ngày ... tháng ... năm 2021

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIẢNG VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)